

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **72/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/6/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thạch, ông Trần Quốc Sự

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú
Ninh, tỉnh Quảng Nam.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia
phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Phú Ninh, tỉnh
Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 04
tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022, giữa các
đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu S, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện
N, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang N, sinh năm 1988; địa chỉ: Khối phố T, thị trấn P,
huyện P, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa,
nguyên đơn bà Lê Thị Thu S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà S khai vợ chồng tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn
tại UBND thị trấn Phú Thịnh vào năm 2014. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát
sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N ăn chơi, cờ bạc, không lo làm ăn,
vợ chồng không có tiếng nói chung. Rất nhiều lần bà S bỏ qua nhưng ông N vẫn không
thay đổi. Từ năm 2021, vợ chồng ít sống chung với nhau do ông N ngoài thời gian đi
làm, rảnh thì đi chơi. Nay bà S thấy mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không
đạt được nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh tỉnh Quảng Nam giải quyết cho
bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông N có hai con chung là Nguyễn Lê Quang H1, sinh ngày 30-9-2014 và Nguyễn Lê Quang H2, sinh ngày 14-11-2019. Nếu ly hôn bà S có nguyện vọng được nuôi hai con và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, bị đơn ông Nguyễn Quang N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông tự nguyện kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N không tốt. Nay bà S yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về nuôi con chung: Ông và bà S có hai con chung là Nguyễn Lê Quang H1, sinh năm 2014 và Nguyễn Lê Quang H2, sinh năm 2019. Nếu ly hôn thì ông N có nguyện vọng nuôi một người con, ông không thống nhất việc vợ nuôi hết hai con. Hiện nay ông đang làm việc tại Công ty cổ phần thép Hòa Phát, thu nhập mỗi tháng là 10.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu S. Cho bà Lê Thị Thu S ly hôn với ông Nguyễn Quang N. Giao cháu Nguyễn Lê Quang H1, sinh ngày 30-9-2014 và Nguyễn Lê Quang H2, sinh ngày 14-11-2019 cho bà S nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Quang N cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con 1.500.000 đồng/tháng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà S yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Quang N cư trú tại khối phố T, thị trấn P, huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú

Ninh, tỉnh Quảng Nam là đúng theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Quang N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông N xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND thị trấn Phú Thịnh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong thời gian chung sống giữa bà S và ông N có nhiều mâu thuẫn, do ông N chơi cờ bạc không lo làm ăn và vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ năm 2021 đến nay, vợ chồng ít có thời gian sống chung với nhau. Trong quá trình giải quyết, Tòa án nhiều lần triệu tập hòa giải nhưng ông N không tham gia hòa giải, điều đó chứng tỏ ông N không có thiện chí trong việc hàn gắn quan hệ hôn nhân. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Thu S là đúng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà S và ông N có hai con chung là Nguyễn Lê Quang H1, sinh ngày 30-9-2014 và Nguyễn Lê Quang H2, sinh ngày 14-11-2019. Bà S có yêu cầu nuôi dưỡng cả hai cháu, ông N có yêu cầu nuôi dưỡng một cháu. Xét thấy, bà S và ông N đều có nguyện vọng nuôi con là chính đáng. Tuy nhiên, cháu H1 có nguyện vọng được ở với mẹ, còn cháu H2 chưa đủ 36 tháng tuổi, hơn nữa hiện tại bà S có chỗ ở, thu nhập ổn định và đang nuôi cả hai con. Vì vậy, giao 02 con cho bà S nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi của con và đúng quy định của pháp luật. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, bà S yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp với thu nhập thực tế của ông N đã khai và nhu cầu thiết yếu của các con. Vì vậy, chấp nhận mức cấp dưỡng mỗi con 1.500.000 đồng/tháng là hợp lý, đảm bảo quyền lợi của các bên theo quy định tại Điều 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về chia tài sản: Bà S và ông N tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: không có.

[3] Về án phí: Bà S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39; Điều 147; 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 37, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu S.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Thu S và ông Nguyễn Quang N ly hôn.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Quang H1, sinh ngày 30-9-2014 và Nguyễn Lê Quang H2, sinh ngày 14-11-2019 cho bà Lê Thị Thu S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Quang N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng/tháng cho đến khi các con thành niên, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, nếu bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Lê Thị Thu S phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng bà S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010354, ngày 04-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Bà S đã nộp đủ tiền án phí. Ông Nguyễn Quang N phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/6/2022); bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND thị trấn Phú Thịnh;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Trung Thành